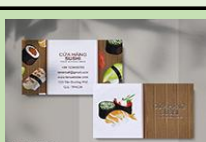


BẢNG BÁO GIÁ GIA CÔNG IN DANH THIẾP - THẺ NHỰA-THẺ NHÂN VIÊN

Lưu ý: Giá Áp Dụng Cho Quý Khách Hàng Nhà In
(Cập nhật ngày 28-12-2025)

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-I-01		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	49,700 (+VAT= 53,676đ)	44,200 (+VAT= 47,736đ)	39,600 (+VAT= 42,768đ)	34,000 (+VAT= 36,720đ)	29,400 (+VAT= 31,752đ)	24,800 (+VAT= 26,784đ)	Chỉ in 1 mặt giảm 4,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-I-02		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	48,800 (+VAT= 52,704đ)	44,200 (+VAT= 47,736đ)	39,600 (+VAT= 42,768đ)	34,000 (+VAT= 36,720đ)	29,400 (+VAT= 31,752đ)	23,900 (+VAT= 25,812đ)	
Danh Thiếp DQ-I-03		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	54,300 (+VAT= 58,644đ)	49,700 (+VAT= 53,676đ)	44,200 (+VAT= 47,736đ)	39,600 (+VAT= 42,768đ)	34,000 (+VAT= 36,720đ)	29,400 (+VAT= 31,752đ)	
Danh Thiếp DQ-I-04		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem lọt trơn 300g (T-194)	61,600 (+VAT= 66,528đ)	57,000 (+VAT= 61,560đ)	51,500 (+VAT= 55,620đ)	46,900 (+VAT= 50,652đ)	41,400 (+VAT= 44,712đ)	36,800 (+VAT= 39,744đ)	
Danh Thiếp DQ-I-05		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	54,300 (+VAT= 58,644đ)	49,700 (+VAT= 53,676đ)	44,200 (+VAT= 47,736đ)	39,600 (+VAT= 42,768đ)	34,000 (+VAT= 36,720đ)	29,400 (+VAT= 31,752đ)	
Danh Thiếp DQ-I-06		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy kraft 300g (K-348)	53,400 (+VAT= 57,672đ)	47,800 (+VAT= 51,624đ)	43,200 (+VAT= 46,656đ)	37,700 (+VAT= 40,716đ)	33,100 (+VAT= 35,748đ)	28,500 (+VAT= 30,780đ)	
Danh Thiếp DQ-I-07		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	55,200 (+VAT= 59,616đ)	49,700 (+VAT= 53,676đ)	45,100 (+VAT= 48,708đ)	40,500 (+VAT= 43,740đ)	35,000 (+VAT= 37,800đ)	30,400 (+VAT= 32,832đ)	Giá đã bao gồm bo góc
Danh Thiếp DQ-I-08		* In 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem Đậm trơn 300g (T-197)	61,600 (+VAT= 66,528đ)	57,000 (+VAT= 61,560đ)	51,500 (+VAT= 55,620đ)	46,900 (+VAT= 50,652đ)	41,400 (+VAT= 44,712đ)	36,800 (+VAT= 39,744đ)	
Danh Thiếp DQ-IB-09		* In 2 mặt + Bôi 2 lớp +bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	92,000 (+VAT= 99,360đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	67,200 (+VAT= 72,576đ)	
Danh Thiếp DQ-IB-10		* In 2 mặt + Bôi 2 lớp +bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	66,200 (+VAT= 71,496đ)	

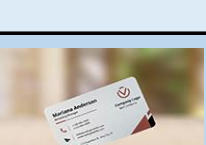
TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-IB-11		* In 2 mặt + Bôi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	92,000 (+VAT= 99,360đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	Nếu bo góc + 5,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-IB-12		* In 2 mặt + Bôi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem lọt trơn 300g (T-194)	111,300 (+VAT= 120,204đ)	105,800 (+VAT= 114,264đ)	101,200 (+VAT= 109,296đ)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	
Danh Thiếp DQ-IB-13		* In 2 mặt + Bôi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm(N279)	98,400 (+VAT= 106,272đ)	92,900 (+VAT= 100,332đ)	88,300 (+VAT= 95,364đ)	83,700 (+VAT= 90,396đ)	78,200 (+VAT= 84,456đ)	73,600 (+VAT= 79,488đ)	
Danh Thiếp DQ-IB-14		* In 2 mặt + Bôi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy kraft 300g (K-348)	93,800 (+VAT= 101,304đ)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	83,700 (+VAT= 90,396đ)	79,100 (+VAT= 85,428đ)	73,600 (+VAT= 79,488đ)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	
Danh Thiếp DQ-IB-15		* In 2 mặt + Bôi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	98,400 (+VAT= 106,272đ)	92,900 (+VAT= 100,332đ)	88,300 (+VAT= 95,364đ)	83,700 (+VAT= 90,396đ)	78,200 (+VAT= 84,456đ)	73,600 (+VAT= 79,488đ)	
Danh Thiếp DQ-IB-16		* In 2 mặt + Bôi 2 lớp * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem Đậm trơn 300g (T-197)	111,300 (+VAT= 120,204đ)	105,800 (+VAT= 114,264đ)	101,200 (+VAT= 109,296đ)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	Chỉ in 1 mặt nhưng vẫn cán màng 2 mặt giảm 4,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-IC-17		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	58,900 (+VAT= 63,612đ)	54,300 (+VAT= 58,644đ)	49,700 (+VAT= 53,676đ)	44,200 (+VAT= 47,736đ)	
Danh Thiếp DQ-IC-18		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	58,900 (+VAT= 63,612đ)	54,300 (+VAT= 58,644đ)	48,800 (+VAT= 52,704đ)	44,200 (+VAT= 47,736đ)	
Danh Thiếp DQ-IC-19		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	58,900 (+VAT= 63,612đ)	54,300 (+VAT= 58,644đ)	49,700 (+VAT= 53,676đ)	
Danh Thiếp DQ-IC-20		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	58,900 (+VAT= 63,612đ)	54,300 (+VAT= 58,644đ)	49,700 (+VAT= 53,676đ)	
Danh Thiếp DQ-ICB-21		* In 2 mặt+ Cán màng mờ 2 mặt + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	106,700 (+VAT= 115,236đ)	101,200 (+VAT= 109,296đ)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	92,000 (+VAT= 99,360đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	Nếu bo góc + 5,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-ICB-22		* In 2 mặt+ Cán màng mờ 2 mặt + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	106,700 (+VAT= 115,236đ)	101,200 (+VAT= 109,296đ)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	

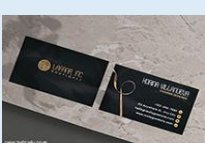
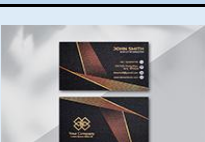
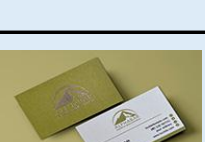
TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-ICB-23		* In 2 mặt+ Cán màng mờ 2 mặt + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	116,800 (+VAT= 126,144đ)	111,300 (+VAT= 120,204đ)	106,700 (+VAT= 115,236đ)	101,200 (+VAT= 109,296đ)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	92,000 (+VAT= 99,360đ)	Nếu bo góc + 5,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-ICB-24		* In 2 mặt+ Cán màng mờ 2 mặt + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	116,800 (+VAT= 126,144đ)	111,300 (+VAT= 120,204đ)	106,700 (+VAT= 115,236đ)	101,200 (+VAT= 109,296đ)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	92,000 (+VAT= 99,360đ)	
Danh Thiếp DQ-ICE-25		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	114,100 (+VAT= 123,228đ)	108,600 (+VAT= 117,288đ)	104,000 (+VAT= 112,320đ)	99,400 (+VAT= 107,352đ)	93800 (+VAT= 101,304đ)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	cộng phí làm khuôn ép kim: 70,000đ trở lên / 1 khuôn
Danh Thiếp DQ-ICE-26		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	114,100 (+VAT= 123,228đ)	108,600 (+VAT= 117,288đ)	104,000 (+VAT= 112,320đ)	98,400 (+VAT= 106,272đ)	93,800 (+VAT= 101,304đ)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	
Danh Thiếp DQ-ICE-27		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N-252)	118,700 (+VAT= 128,196đ)	114,100 (+VAT= 123,228đ)	108,600 (+VAT= 117,288đ)	104,000 (+VAT= 112,320đ)	99,400 (+VAT= 107,352đ)	93,800 (+VAT= 101,304đ)	
Danh Thiếp DQ-ICE-28		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	119,600 (+VAT= 129,168đ)	115,000 (+VAT= 124,200đ)	109,500 (+VAT= 118,260đ)	104,900 (+VAT= 113,292đ)	99,400 (+VAT= 107,352đ)	94,800 (+VAT= 102,384đ)	
Danh Thiếp DQ-ICEB-29		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	150,900 (+VAT= 162,972đ)	146,300 (+VAT= 158,004đ)	141,700 (+VAT= 153,036đ)	136,200 (+VAT= 147,096đ)	131,600 (+VAT= 142,128đ)	126,000 (+VAT= 136,080đ)	cộng phí làm khuôn ép kim: 70,000đ trở lên / 1 khuôn
Danh Thiếp DQ-ICEB-30		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	150,900 (+VAT= 162,972đ)	146,300 (+VAT= 158,004đ)	140,800 (+VAT= 152,064đ)	136,200 (+VAT= 147,096đ)	131,600 (+VAT= 142,128đ)	126,000 (+VAT= 136,080đ)	
Danh Thiếp DQ-ICEB-31		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	161,000 (+VAT= 173,880đ)	156,400 (+VAT= 168,912đ)	150,900 (+VAT= 162,972đ)	146,300 (+VAT= 158,004đ)	141,700 (+VAT= 153,036đ)	136,200 (+VAT= 147,096đ)	
Danh Thiếp DQ-ICEB-32		* In 2 mặt + Cán màng mờ 2 mặt + ép kim 1M + bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	162,800 (+VAT= 175,824đ)	158,200 (+VAT= 170,856đ)	152,700 (+VAT= 164,916đ)	148,100 (+VAT= 159,948đ)	142,600 (+VAT= 154,008đ)	138,000 (+VAT= 149,040đ)	
Danh Thiếp DQ-IE-33		* In 2 mặt + ép nhũ 1M. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N-100)	83,700 (+VAT= 90,396đ)	79,100 (+VAT= 85,428đ)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	58,900 (+VAT= 63,612đ)	cộng phí làm khuôn ép kim: 70,000đ trở lên / 1 khuôn
Danh Thiếp DQ-IE-34		* In 2 mặt + ép nhũ 1M. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem lọt trơn 300g (T-194)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	66,200 (+VAT= 71,496đ)	

TÊN DANH THIỆP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-IE-35		* In 2 mặt + ép nhũ 1M. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	84,600 (+VAT= 91,368đ)	80,000 (+VAT= 86,400đ)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,900 (+VAT= 75,492đ)	65,300 (+VAT= 70,524đ)	59,800 (+VAT= 64,584đ)	cộng phí làm khuôn ép kim: 70,000đ trở lên / 1 khuôn
Danh Thiếp DQ-IE-36		* In 2 mặt + ép nhũ 1M. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem Đậm trơn 300g (T-197)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	66,200 (+VAT= 71,496đ)	
Danh Thiếp DQ-IE2-37		* In 2 mặt + ép nhũ 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý FSC Kem nhũ 285g (Y-439)	168,400 (+VAT= 181,872đ)	163,800 (+VAT= 176,904đ)	158,200 (+VAT= 170,856đ)	153,600 (+VAT= 165,888đ)	148,100 (+VAT= 159,948đ)	143,500 (+VAT= 154,980đ)	cộng phí làm khuôn ép kim: 70,000đ trở lên / 1 khuôn
Danh Thiếp DQ-IE2-38		* In 2 mặt + ép nhũ 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Lụa Cao cấp So-silk trắng 350g (M-345)	192,300 (+VAT= 207,684đ)	186,800 (+VAT= 201,744đ)	182,200 (+VAT= 196,776đ)	176,600 (+VAT= 190,728đ)	172,000 (+VAT= 185,760đ)	167,400 (+VAT= 180,792đ)	
Danh Thiếp DQ-IE2-39		* In 2 mặt + ép nhũ 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Lụa Cao cấp So-silk vàng lợt 350g (M-346)	192,300 (+VAT= 207,684đ)	186,800 (+VAT= 201,744đ)	182,200 (+VAT= 196,776đ)	176,600 (+VAT= 190,728đ)	172,000 (+VAT= 185,760đ)	167,400 (+VAT= 180,792đ)	cộng 150,000đ làm 2 khuôn ép kim
Danh Thiếp DQ-IE2-40		* In 2 mặt + ép nhũ 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Nhám Cao cấp Matter xám 380g (M-347)	242,000 (+VAT= 261,360đ)	237,400 (+VAT= 256,392đ)	231,800 (+VAT= 250,344đ)	227,200 (+VAT= 245,376đ)	222,600 (+VAT= 240,408đ)	217,100 (+VAT= 234,468đ)	
Danh Thiếp DQ-ELB-41		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy TRẮNG NHŨ 240gsm (N- 100)	149,000 (+VAT= 160,920đ)	144,400 (+VAT= 155,952đ)	138,900 (+VAT= 150,012đ)	134,300 (+VAT= 145,044đ)	129,700 (+VAT= 140,076đ)	124,200 (+VAT= 134,136đ)	cộng 150,000 tiền làm 2 khuôn ép.
Danh Thiếp DQ-ELB-42		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 240gsm (N- 252)	149,000 (+VAT= 160,920đ)	144,400 (+VAT= 155,952đ)	138,900 (+VAT= 150,012đ)	134,300 (+VAT= 145,044đ)	129,700 (+VAT= 140,076đ)	124,200 (+VAT= 134,136đ)	
Danh Thiếp DQ-ELB-43		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy BẠC NHŨ KMA 240gsm (N- 275)	150,900 (+VAT= 162,972đ)	145,400 (+VAT= 157,032đ)	140,800 (+VAT= 152,064đ)	135,200 (+VAT= 146,016đ)	130,600 (+VAT= 141,048đ)	126,000 (+VAT= 136,080đ)	
Danh Thiếp DQ-ELB-44		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy DƯỠNG ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-286)	150,900 (+VAT= 162,972đ)	146,300 (+VAT= 158,004đ)	140,800 (+VAT= 152,064đ)	136,200 (+VAT= 147,096đ)	130,600 (+VAT= 141,048đ)	126,000 (+VAT= 136,080đ)	
Danh Thiếp DQ-ELB-45		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-279)	150,900 (+VAT= 162,972đ)	146,300 (+VAT= 158,004đ)	140,800 (+VAT= 152,064đ)	136,200 (+VAT= 147,096đ)	130,600 (+VAT= 141,048đ)	126,000 (+VAT= 136,080đ)	
Danh Thiếp DQ-ELB-46		* Ép nhũ Lún 2M - Bồi 2 lớp. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy NÂU ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-290)	150,900 (+VAT= 162,972đ)	146,300 (+VAT= 158,004đ)	140,800 (+VAT= 152,064đ)	136,200 (+VAT= 147,096đ)	131,600 (+VAT= 142,128đ)	126,000 (+VAT= 136,080đ)	

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-E1-47		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT nâu trơn 300g (T-191)	75,400 (+VAT= 81,432đ)	70,800 (+VAT= 76,464đ)	65,300 (+VAT= 70,524đ)	60,700 (+VAT= 65,556đ)	55,200 (+VAT= 59,616đ)	50,600 (+VAT= 54,648đ)	cộng phí làm khuôn ép kim: 70,000đ trở lên / 1 khuôn
Danh Thiếp DQ-E1-48		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT đỏ trơn 300g (T-187)	75,400 (+VAT= 81,432đ)	70,800 (+VAT= 76,464đ)	65,300 (+VAT= 70,524đ)	60,700 (+VAT= 65,556đ)	55,200 (+VAT= 59,616đ)	50,600 (+VAT= 54,648đ)	
Danh Thiếp DQ-E1-49		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy kraft 300g (K-348)	66,200 (+VAT= 71,496đ)	60,700 (+VAT= 65,556đ)	56,100 (+VAT= 60,588đ)	50,600 (+VAT= 54,648đ)	46,000 (+VAT= 49,680đ)	41,400 (+VAT= 44,712đ)	
Danh Thiếp DQ-E1-50		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Nâu lợt 260g (Y-144)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,000 (+VAT= 87,480đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	
Danh Thiếp DQ-E1-51		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Dương 260g (Y-142)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,000 (+VAT= 87,480đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	
Danh Thiếp DQ-E1-52		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy NÂU ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-290)	68,100 (+VAT= 73,548đ)	63,500 (+VAT= 68,580đ)	58,000 (+VAT= 62,640đ)	53,400 (+VAT= 57,672đ)	47,800 (+VAT= 51,624đ)	43,200 (+VAT= 46,656đ)	cộng 150,000đ tiền làm 2 khuôn ép kim.
Danh Thiếp DQ-E1-53		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Kem 260g(Y-137)	97,500 (+VAT= 105,300đ)	92,900 (+VAT= 100,332đ)	87,400 (+VAT= 94,392đ)	82,800 (+VAT= 89,424đ)	77,300 (+VAT= 83,484đ)	72,700 (+VAT= 78,516đ)	
Danh Thiếp DQ-E1-54		* Ép nhũ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Đỏ 260g (Y-139)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,000 (+VAT= 87,480đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	
Danh Thiếp DQ-E2-55		* Ép nhũ 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Vàng 260g (Y-141)	126,000 (+VAT= 136,080đ)	121,400 (+VAT= 131,112đ)	115,900 (+VAT= 125,172đ)	111,300 (+VAT= 120,204đ)	105,800 (+VAT= 114,264đ)	101,200 (+VAT= 109,296đ)	
Danh Thiếp DQ-E2-56		* Ép nhũ 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Ý Đen 260g (Y-143)	127,000 (+VAT= 137,160đ)	122,400 (+VAT= 132,192đ)	117,800 (+VAT= 127,224đ)	112,200 (+VAT= 121,176đ)	107,600 (+VAT= 116,208đ)	102,100 (+VAT= 110,268đ)	
Danh Thiếp DQ-E2-57		* Ép nhũ 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhung cao cấp pike đỏ 330g (M-342)	192,300 (+VAT= 207,684đ)	187,700 (+VAT= 202,716đ)	182,200 (+VAT= 196,776đ)	177,600 (+VAT= 191,808đ)	172,000 (+VAT= 185,760đ)	167,400 (+VAT= 180,792đ)	cộng 150,000đ tiền làm 2 khuôn ép kim.
Danh Thiếp DQ-E2-58		* Ép nhũ 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhung cao cấp pike đen 330g (M-343)	192,300 (+VAT= 207,684đ)	187,700 (+VAT= 202,716đ)	182,200 (+VAT= 196,776đ)	177,600 (+VAT= 191,808đ)	172,000 (+VAT= 185,760đ)	167,400 (+VAT= 180,792đ)	

TÊN DANH THIỆP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
Danh Thiếp DQ-NE1-59		* Ép kim 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	109,500 (+VAT= 118,260đ)	104,000 (+VAT= 112,320đ)	99,400 (+VAT= 107,352đ)	93,800 (+VAT= 101,304đ)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	84,600 (+VAT= 91,368đ)	cộng phí làm khuôn ép kim: 70,000đ trở lên / 1 khuôn
Danh Thiếp DQ-NE2-60		* Ép kim 1 mặt 2 màu + bo góc. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.9mm (PL- 257)	188,600 (+VAT= 203,688đ)	184,000 (+VAT= 198,720đ)	179,400 (+VAT= 193,752đ)	173,900 (+VAT= 187,812đ)	169,300 (+VAT= 182,844đ)	163,800 (+VAT= 176,904đ)	cộng 150,000đ làm 2 khuôn ép kim.
Danh Thiếp DQ-NI-61		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	84,600 (+VAT= 91,368đ)	79,100 (+VAT= 85,428đ)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	* Nếu in 2 mặt giá cộng 25,000đ/ hộp. * Nếu thêm cán màng 2 mặt + 20,000đ/ hộp.
Danh Thiếp DQ-NIL-63		* In lụa 1 mặt 2 màu + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.5mm (PL- 258)	218,000 (+VAT= 235,440đ)	180,300 (+VAT= 194,724đ)	166,500 (+VAT= 179,820đ)	158,200 (+VAT= 170,856đ)	151,800 (+VAT= 163,944đ)	146,300 (+VAT= 158,004đ)	Chỉ in 1 màu giảm 50,000đ/ hộp
Danh Thiếp DQ-N4-64		* In 2 mặt + ép nhám máy cao tần. * Bể khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp - Trắng	308,200 (+VAT= 332,856đ)	302,700 (+VAT= 326,916đ)	298,100 (+VAT= 321,948đ)	293,500 (+VAT= 316,980đ)	288,000 (+VAT= 311,040đ)	283,400 (+VAT= 306,072đ)	* Nếu chỉ in 1 mặt giảm 10,000đ/hộp.
Danh Thiếp DQ-N4-65		* In 2 mặt + ép nhám máy cao tần. * Bể khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp - Trắng	308,200 (+VAT= 332,856đ)	302,700 (+VAT= 326,916đ)	298,100 (+VAT= 321,948đ)	293,500 (+VAT= 316,980đ)	288,000 (+VAT= 311,040đ)	283,400 (+VAT= 306,072đ)	
Danh Thiếp DQ-NI-66		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	84,600 (+VAT= 91,368đ)	79,100 (+VAT= 85,428đ)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	* Mẫu in 1 mặt * Nếu in 2 mặt giá cộng 20,000đ/ hộp. * Nếu thêm cán màng 2 mặt + 25,000đ/ hộp.
Danh Thiếp DQ-NI-67		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	84,600 (+VAT= 91,368đ)	79,100 (+VAT= 85,428đ)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	
Danh Thiếp DQ-NI-68		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	84,600 (+VAT= 91,368đ)	79,100 (+VAT= 85,428đ)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	
DANH THIẾP MẪU DQ-69		* In 2 mặt + ép Bóng máy cao tần + ép kim 2 mặt 1 khuôn * Bể khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp -Phủ nhũ bạc	506,900 (+VAT= 547,452đ)	501,400 (+VAT= 541,512đ)	496,800 (+VAT= 536,544đ)	492,200 (+VAT= 531,576đ)	486,700 (+VAT= 525,636đ)	482,100 (+VAT= 520,668đ)	* cộng 150,000đ 2 khuôn ép kim * Giá chưa bao gồm số nhảy hoặc thẻ khác tên.
DANH THIẾP MẪU DQ-70		* In 2 mặt + ép Mờ máy cao tần + ép kim 1 mặt * Bể khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp -Phủ nhũ bạc	457,200 (+VAT= 493,776đ)	451,700 (+VAT= 487,836đ)	447,100 (+VAT= 482,868đ)	442,500 (+VAT= 477,900đ)	437,000 (+VAT= 471,960đ)	432,400 (+VAT= 466,992đ)	* cộng 70,000đ cho 1 khuôn ép kim nhô. * Giá chưa bao gồm số nhảy hoặc thẻ khác tên.

TÊN DANH THIỆP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
DANH THIỆP MẪU DQ-71		* In 2 mặt + ép nhám máy cao tần * Bề khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp -Phủ nhũ bạc	407,600 (+VAT= 440,208đ)	402,000 (+VAT= 434,160đ)	397,400 (+VAT= 429,192đ)	392,800 (+VAT= 424,224đ)	387,300 (+VAT= 418,284đ)	382,700 (+VAT= 413,316đ)	* Nếu chỉ in 1 mặt giảm 10,000đ/hộp.
DANH THIỆP MẪU DQ-72		* In 2 mặt + ép Bóng máy cao tần + Ép kim 1 mặt +ép nhũ bề nổi ký tự * Bề khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp	357,900 (+VAT= 386,532đ)	352,400 (+VAT= 380,592đ)	347,800 (+VAT= 375,624đ)	343,200 (+VAT= 370,656đ)	337,600 (+VAT= 364,608đ)	333,000 (+VAT= 359,640đ)	* cộng 70,000đ cho 1 khuôn ép kim nhỏ. * Giá chưa bao gồm ép nhũ bề nổi ký tự.
DANH THIỆP MẪU DQ-73		* In 2 mặt + ép Mờ máy cao tần + ép nhũ bề nổi ký tự * Bề khuôn danh thiếp 85x54mm	Nhựa PVC 4 Lớp	308,200 (+VAT= 332,856đ)	302,700 (+VAT= 326,916đ)	298,100 (+VAT= 321,948đ)	293,500 (+VAT= 316,980đ)	288,000 (+VAT= 311,040đ)	283,400 (+VAT= 306,072đ)	* Giá chưa bao gồm ép nhũ bề nổi ký tự. * Giá chưa bao gồm thẻ khác tên, khác mã vạch...
DANH THIỆP MẪU DQ-74		* In 2 mặt + Cán màng Bóng 2M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ vàng 280g (PL-476)	296,200 (+VAT= 319,896đ)	290,700 (+VAT= 313,956đ)	286,100 (+VAT= 308,988đ)	281,500 (+VAT= 304,020đ)	276,000 (+VAT= 298,080đ)	271,400 (+VAT= 293,112đ)	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIỆP MẪU DQ-75		* In 2 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ vàng 280g (PL-476)	265,900 (+VAT= 287,172đ)	261,300 (+VAT= 282,204đ)	256,700 (+VAT= 277,236đ)	251,200 (+VAT= 271,296đ)	246,600 (+VAT= 266,328đ)	241,000 (+VAT= 260,280đ)	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIỆP MẪU DQ-76		* Ép kim 1 mặt 2 màu + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ vàng 280g (PL-476)	315,600 (+VAT= 340,848đ)	311,000 (+VAT= 335,880đ)	306,400 (+VAT= 330,912đ)	300,800 (+VAT= 324,864đ)	296,200 (+VAT= 319,896đ)	290,700 (+VAT= 313,956đ)	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIỆP MẪU DQ-77		* In 2 mặt + Cán màng Bóng 2M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ ngọc trai 280g (PL-477)	281,500 (+VAT= 304,020đ)	276,900 (+VAT= 299,052đ)	271,400 (+VAT= 293,112đ)	266,800 (+VAT= 288,144đ)	262,200 (+VAT= 283,176đ)	256,700 (+VAT= 277,236đ)	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIỆP MẪU DQ-78		* In 2 mặt + Cán màng Mờ 2M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ ngọc trai 280g (PL-477)	281,500 (+VAT= 304,020đ)	276,900 (+VAT= 299,052đ)	271,400 (+VAT= 293,112đ)	266,800 (+VAT= 288,144đ)	262,200 (+VAT= 283,176đ)	256,700 (+VAT= 277,236đ)	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIỆP MẪU DQ-79		* Ép kim 1 mặt 2 màu + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa ánh nhũ ngọc trai 280g (PL-477)	301,800 (+VAT= 325,944đ)	296,200 (+VAT= 319,896đ)	291,600 (+VAT= 314,928đ)	287,000 (+VAT= 309,960đ)	281,500 (+VAT= 304,020đ)	276,900 (+VAT= 299,052đ)	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIỆP MẪU DQ-80		* In 2 mặt + Cán màng Bóng 2M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trắng 0.3mm (PL-317)	134,300 (+VAT= 145,044đ)	128,800 (+VAT= 139,104đ)	124,200 (+VAT= 134,136đ)	118,700 (+VAT= 128,196đ)	114,100 (+VAT= 123,228đ)	109,500 (+VAT= 118,260đ)	Giá đã bao gồm bo góc
DANH THIỆP MẪU DQ-81		* In 1 mặt + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.3mm (PL-422)	84,600 (+VAT= 91,368đ)	79,100 (+VAT= 85,428đ)	74,500 (+VAT= 80,460đ)	69,900 (+VAT= 75,492đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	59,800 (+VAT= 64,584đ)	Giá đã bao gồm bo góc

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
DANH THIẾP MẪU DQ-82		* In 1 mặt + Ép nhũ 1M + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.3mm (PL-422)	134,300 (+VAT= 145,044đ)	128,800 (+VAT= 139,104đ)	124,200 (+VAT= 134,136đ)	119,600 (+VAT= 129,168đ)	114,100 (+VAT= 123,228đ)	109,500 (+VAT= 118,260đ)	cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-83		* Ép kim 1 mặt 2 màu + bo góc * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.3mm (PL-422)	153,600 (+VAT= 165,888đ)	149,000 (+VAT= 160,920đ)	144,400 (+VAT= 155,952đ)	138,900 (+VAT= 150,012đ)	134,300 (+VAT= 145,044đ)	128,800 (+VAT= 139,104đ)	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-84		* Ép nhũ 1 mặt 2 màu (Trắng - đen) + bo góc. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.5mm (PL-258)	277,800 (+VAT= 300,024đ)	272,300 (+VAT= 294,084đ)	267,700 (+VAT= 289,116đ)	263,100 (+VAT= 284,148đ)	257,600 (+VAT= 278,208đ)	253,000 (+VAT= 273,240đ)	* cộng 150,000đ 2 khuôn ép kim. * Nếu không có nhũ trắng, giá giảm 50,000đ/hộp
DANH THIẾP MẪU DQ-85		* Ép nhũ 1 mặt 1 màu (Trắng) + bo góc. * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy nhựa (Plastic) trong mờ 0.5mm (PL-258)	218,000 (+VAT= 235,440đ)	213,400 (+VAT= 230,472đ)	207,900 (+VAT= 224,532đ)	203,300 (+VAT= 219,564đ)	197,800 (+VAT= 213,624đ)	193,200 (+VAT= 208,656đ)	* cộng 100,000đ khuôn ép kim. * Nếu không dùng nhũ trắng, giá giảm 50,000đ/hộp
DANH THIẾP MẪU DQ-86		* In 2 mặt + Cán màng nhung 2M + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	133,400 (+VAT= 144,072đ)	128,800 (+VAT= 139,104đ)	124,200 (+VAT= 134,136đ)	118,700 (+VAT= 128,196đ)	114,100 (+VAT= 123,228đ)	108,600 (+VAT= 117,288đ)	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-87		* In 2 mặt + Cán màng nhung 2M + ép kim 2M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	178,500 (+VAT= 192,780đ)	173,900 (+VAT= 187,812đ)	168,400 (+VAT= 181,872đ)	163,800 (+VAT= 176,904đ)	158,200 (+VAT= 170,856đ)	153,600 (+VAT= 165,888đ)	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-88		* In 2 mặt + Cán màng kim tuyến cát 2M + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	143,500 (+VAT= 154,980đ)	138,900 (+VAT= 150,012đ)	133,400 (+VAT= 144,072đ)	128,800 (+VAT= 139,104đ)	124,200 (+VAT= 134,136đ)	118,700 (+VAT= 128,196đ)	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-89		* In 2 mặt + Cán màng kim tuyến tơ tằm 2M + ép kim 1M * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy Cauche 300g (C-266)	143,500 (+VAT= 154,980đ)	138,900 (+VAT= 150,012đ)	133,400 (+VAT= 144,072đ)	128,800 (+VAT= 139,104đ)	124,200 (+VAT= 134,136đ)	118,700 (+VAT= 128,196đ)	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-90		* In 2 mặt +Cán gân cát 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	58,900 (+VAT= 63,612đ)	54,300 (+VAT= 58,644đ)	48,800 (+VAT= 52,704đ)	44,200 (+VAT= 47,736đ)	
DANH THIẾP MẪU DQ-91		* In 2 mặt +Cán gân HQ 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	69,000 (+VAT= 74,520đ)	64,400 (+VAT= 69,552đ)	58,900 (+VAT= 63,612đ)	54,300 (+VAT= 58,644đ)	48,800 (+VAT= 52,704đ)	44,200 (+VAT= 47,736đ)	
DANH THIẾP MẪU DQ-92		* In 2 mặt +Cán gân Ca rô 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem lọt trơn 300g (T-194)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	66,200 (+VAT= 71,496đ)	61,600 (+VAT= 66,528đ)	57,000 (+VAT= 61,560đ)	

TÊN DANH THIẾP MẪU	HÌNH ẢNH MINH HỌA	Kỹ thuật sản xuất /Kích thước	Tên giấy	ĐƠN GIÁ (đồng / Hộp 100 cái)						Ghi chú khác
				1 Hộp	2-3 hộp	4-6 hộp	7-10 hộp	11-15 hộp	Từ 16 hộp	
DANH THIẾP MẪU DQ-93		* In 2 mặt +Cán gân nhậ 1 mặt + Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy FO TRẮNG 250gsm (T-294)	98,400 (+VAT= 106,272đ)	93,800 (+VAT= 101,304đ)	89,200 (+VAT= 96,336đ)	83,700 (+VAT= 90,396đ)	79,100 (+VAT= 85,428đ)	73,600 (+VAT= 79,488đ)	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-94		* In 2 mặt +Cán gân HQ 1 mặt + Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy MT Kem Đậm tron 300g (T-197)	111,300 (+VAT= 120,204đ)	106,700 (+VAT= 115,236đ)	101,200 (+VAT= 109,296đ)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-95		* Cán gân nhậ 1 mặt + Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy VÀNG NHŨ KMA 240gsm (N-283)	87,400 (+VAT= 94,392đ)	82,800 (+VAT= 89,424đ)	78,200 (+VAT= 84,456đ)	72,700 (+VAT= 78,516đ)	68,100 (+VAT= 73,548đ)	62,600 (+VAT= 67,608đ)	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-96		* Cán gân nhậ 1 mặt + Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy NÂU ĐẬM NHŨ KMA 240gsm (N-290)	88,300 (+VAT= 95,364đ)	82,800 (+VAT= 89,424đ)	78,200 (+VAT= 84,456đ)	72,700 (+VAT= 78,516đ)	68,100 (+VAT= 73,548đ)	63,500 (+VAT= 68,580đ)	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-97		* Ép kim 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy HỒNG NHẠT CAMAY 240gsm (CM-487)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	91,100 (+VAT= 98,388đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	76,400 (+VAT= 82,512đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-98		* Ép kim 2 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy ĐỎ NHŨ THẢI 240gsm (N-502)	96,600 (+VAT= 104,328đ)	92,000 (+VAT= 99,360đ)	86,500 (+VAT= 93,420đ)	81,900 (+VAT= 88,452đ)	77,300 (+VAT= 83,484đ)	71,800 (+VAT= 77,544đ)	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-99		* Ép kim 1 mặt * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ THẢI 240gsm (N-164)	67,200 (+VAT= 72,576đ)	61,600 (+VAT= 66,528đ)	57,000 (+VAT= 61,560đ)	52,400 (+VAT= 56,592đ)	46,900 (+VAT= 50,652đ)	42,300 (+VAT= 45,684đ)	* cộng 100,000đ cho 1 khuôn ép kim.
DANH THIẾP MẪU DQ-100		* Ép kim 2 mặt + Bồi 2 loại giấy * Kích thước TP: 8.8x5.3cm	Giấy KEM NHŨ KMA 170gsm (N-253) & Giấy DƯỠNG ĐẬM NHŨ KMA 170gsm (N-284)	135,200 (+VAT= 146,016đ)	130,600 (+VAT= 141,048đ)	125,100 (+VAT= 135,108đ)	120,500 (+VAT= 130,140đ)	115,900 (+VAT= 125,172đ)	110,400 (+VAT= 119,232đ)	* cộng 150,000đ cho 2 khuôn ép kim.
BMDT-TNV		Cuốn mẫu danh thiếp Đợt 1 * Cuốn mẫu đợt 1 gồm 67 mẫu danh thiếp - thẻ nhựa- thẻ NV từ mã 01 tới mã số 68. * Danh thiếp mẫu được sản xuất giá định để thuận tiện cho khách hàng tham khảo các hiệu ứng và các chất liệu khác nhau.						96,000 đ/ bịch (+VAT = 103,680đ)		Tặng link tải File thiết kế gốc của 100 mẫu danh thiếp này cho khách hàng mua 2 cuốn mẫu danh thiếp.
BMDT-TNV02		Cuốn mẫu danh thiếp Đợt 2 * Cuốn mẫu đợt 2 gồm 32 mẫu danh thiếp - thẻ nhựa- thẻ NV từ mã 69 tới mã số 100. * Danh thiếp mẫu được sản xuất giá định để thuận tiện cho khách hàng tham khảo các hiệu ứng và các chất liệu khác nhau. * Mẫu đợt 2 tập trung nhiều về thẻ nhựa và các kỹ thuật mới chưa có trong cuốn đợt 1.						48,000 đ/ bịch (+VAT = 51,840đ)		

*** Giá và phí áp dụng:**

=> Lập phiếu tính tiền sẽ tính đơn giá hoặc phí chưa VAT, Luôn cộng thêm VAT phía dưới phiếu tính tiền.

=> Các loại phí như phí làm khuôn, cộng ép, phụ phí giao hàng đã thông báo ...cũng sẽ hiểu là giá trước VAT nên sẽ được cộng thêm VAT khi lập phiếu giao hàng. Khi xuất hóa đơn khách hàng có thể yêu cầu chia các khoản phí này vào giá thành sản phẩm.

=> Khách hàng có thể lựa chọn nhận hóa đơn qua email hoặc zalo.

Tiêu chuẩn chung: Nếu Quý khách không có yêu cầu kích thước khác thì name card theo kích thước trong bảng giá này đã ghi là là 8.8x5.3cm và thẻ nhựa PVC 4 lớp là 8.5x5.4cm. Name card cũng sẽ được đóng hộp nhựa trước hoặc quần đai giấy khi giao cho khách hàng.

Danh thiếp nhiều tên: Nếu là danh thiếp hoặc tấm treo, với mỗi tên khác nhau sẽ được hiểu là mẫu khác nhau do vậy giá sẽ áp dụng cho số lượng tương ứng cho từng tên.

Danh thiếp giấy, nhựa mỏng SL ít hơn 1 hộp (không bao gồm nhựa PVC) :

- Trường hợp KH làm 1 nội dung danh thiếp mà SL ít hơn 100 thì đơn vị sẽ được tính theo cái. Giá tính lẻ theo 1 cái = (tiền 100 cái + phí 20,000đ/ mỗi kỹ thuật) / chia cho 100 cái. Sau khi tính nếu giá lẻ cao hơn giá 1 hộp thì tính bằng giá 1 hộp.

Thẻ xe, thẻ Vip, thẻ NV nhiều số (số nhảy hoặc gọi dữ liệu biến đổi):

- Thẻ có nhiều số khác nhau (**số biến đổi**) : Số lượng thẻ được tính gộp, giá mỗi thẻ + 1,000đ/thẻ
- Thẻ có nhiều QR code khác nhau (**QR code biến đổi**) : Số lượng thẻ được tính gộp, giá mỗi thẻ + 1,500đ/thẻ
- Thẻ có nhiều Barcode khác nhau (**Barcode biến đổi**) : Số lượng thẻ được tính gộp, giá mỗi thẻ + 2,000đ/thẻ
- Thẻ có hình khác nhau (**Hình biến đổi**) : Số lượng thẻ được tính gộp, giá mỗi thẻ + 2,000đ/thẻ
- Thẻ có tên khác nhau (**Tên biến đổi**) : Số lượng thẻ được tính gộp, giá mỗi thẻ + 2,000đ/thẻ
- Trường hợp thẻ có nhiều thông tin **biến đổi khách làm file sẵn**: Số lượng thẻ được tính gộp, giá mỗi thẻ + 2,000đ/thẻ

*** Ghi chú:**

- Nếu thẻ có Barcode thì đã được bao gồm dãy số dưới barcode. Còn QR code thì chỉ gồm QR code không kèm số.
- Khi đặt hàng, khách chỉ cần thiết kế 1 mẫu và cung cấp thông tin nhảy số, QR, Barcode, danh sách tên, hình ảnh..., việc còn lại bên ĐQ sẽ tự xử lý.
- Trường hợp trên 1 thẻ có nhiều thông tin biến đổi thì phần giá cộng thêm sẽ được cộng tổng (ví dụ biến đổi hình + tên sẽ có giá tăng 2,000+ 2,000 = 4,000đ/ thẻ)
- Trường hợp trên 1 thẻ sử dụng 1 kỹ thuật dữ liệu biến đổi nào đó nhưng có nhiều hơn 1 vị trí cần biến đổi dữ liệu, Giá sẽ tính thêm cho vị trí từ thứ 2 trở đi là 200đ/ thẻ. (ví dụ trên 1 thẻ có 2 vị trí biến đổi số , giá cho phần biến đổi số là 1,000 + 200 = 1,200đ/ thẻ)

Sản xuất mẫu thẻ nhựa PVC 4 lớp (hoặc thẻ số lượng ít, mỗi thẻ có 1 tên khác nhau...) áp giá theo công thức sau:

- => SL ít dưới 100: giá tính theo cái
- * giá 1 cái : bằng giá 1 hộp chia 100
- * Thêm phí SL ít: mỗi kỹ thuật 20,000đ/ lần đặt , riêng in màu KTS 69,000đ/ lần đặt
- => hoặc tính tiền tổng bằng tiền 1 hộp (chọn giá tốt nhất cho khách)
- => Nếu là thẻ nhựa PVC, số lượng cái phải luôn chia hết cho 10

Giá bán thêm dành riêng cho thẻ nhựa PVC 4 lớp số lượng lớn:

- * Thẻ nhựa PVC 4 lớp => có SL từ 16 tới 19 hộp: áp giá theo cột cuối bảng giá
- * Thẻ nhựa PVC 4 lớp => có SL từ 20 tới 24 hộp: giảm thêm 5,000đ/ hộp so với cột cuối bảng giá.
- * Thẻ nhựa PVC 4 lớp => có SL từ 25 tới 29 hộp: giảm thêm 10,000đ/ hộp so với cột cuối bảng giá.
- * Thẻ nhựa PVC 4 lớp => có SL từ 30 tới 39 hộp: giảm thêm 15,000đ/ hộp so với cột cuối bảng giá.
- * Thẻ nhựa PVC 4 lớp => có SL từ 40 hộp trở lên: giảm thêm 20,000đ/ hộp so với cột cuối bảng giá

Dập nổi ép nhũ ký tự biến đổi thẻ nhựa: Trường hợp thẻ nhựa PVC 4 lớp có dập nổi ép nhũ ký tự (tên không dấu, số...) thì công thức giá cho kỹ thuật này như sau: Mỗi thẻ + 5.000đ cho 10 ký tự đầu tiên, nếu thẻ có nhiều hơn 10 ký tự tính 500đ/ký tự. (Chi phí tối thiểu cho kỹ thuật này là 50,000đ).

Dập nổi ép nhũ tên, số điện thoại cổ định thẻ nhựa: Trường hợp thẻ nhựa PVC 4 lớp có dập nổi ép nhũ tên, số điện thoại, logo... thì công thức giá cho kỹ thuật này như sau: Mỗi thẻ + 1.000đ thêm công ép bế + phí làm khuôn bế nổi 300,000đ + phí lên khuôn bế nổi 100,000đ/ lần đặt hàng.

Bo góc: Nếu mẫu không bo góc và khách yêu cầu thêm bo góc, giá sẽ cộng 5,000đ/hộp tiền bo góc (tối thiểu 20,000đ).

Bể khuôn danh thiếp 85x54mm:

- * Theo tiêu chuẩn trong bảng giá của chúng tôi, nhựa PVC 4 lớp sẽ được bể khuôn danh thiếp để đường bo góc được hoàn hảo hơn, các loại nhựa khác hay giấy chỉ dùng kỹ thuật bo góc để bo góc, kỹ thuật bo góc thực hiện nhanh nhưng nhược điểm là đường bo góc không liền lạc bằng kỹ thuật bể khuôn thẻ.
- * Trường hợp khách hàng đặt danh thiếp loại nhựa khác không phải nhựa PVC (ví dụ nhựa trắng, nhựa mờ, nhựa nhũ...) mà muốn thay kỹ thuật bo góc bằng kỹ thuật bể khuôn thì kích thước TP sẽ là 85x54cm và giá sẽ tăng thêm 20,000đ/ hộp (ví kỹ thuật bể khuôn là 25,000đ/ hộp trừ đi 5,000đ/ hộp kỹ thuật bo góc nên chênh lệch 20,000đ).

Khoan lỗ: Nếu khách yêu cầu thêm khoan lỗ (3mm, hoặc 4mm), giá sẽ cộng 5,000đ/hộp tiền khoan lỗ (tối thiểu 20,000đ).

Cán màng: Nếu khách yêu cầu thêm cán màng. Cán trên giấy và màng thường (bóng, mờ), giá sẽ cộng 20,000đ/hộp (tối thiểu 20,000đ). Màng đặc biệt (màng nhung, màng kim tuyến...) giá sẽ cộng 40,000đ/hộp (tối thiểu 40,000đ). Cán trên nhựa cao hơn cán trên giấy 5,000đ/ hộp.

Cán vân: Nếu khách yêu cầu thêm cán vân (Vân cát, vân Nhật, vân HQ, Vân Ca rô), giá sẽ cộng 20,000đ/hộp (tối thiểu 20,000đ).

Khuôn ép kim: Tùy theo trường hợp khuôn cụ thể của khách để tính giá, nếu khuôn nhỏ hơn 2/3 name card tính 70,000đ/khuôn. Nếu lớn hơn tính 100,000đ. (Nếu 2 cái thì tính 150,000đ).

Ghi chú kỹ thuật và ứng dụng của nhựa PVC 4 lớp và nhựa PVC 4 lớp phủ nhũ bạc:

- => Nhựa PVC 4 lớp thường có màu trắng, thường được in 2 mặt, sau đó ép qua máy ép cao tần, trong quá trình ép Quý khách có thể chọn hiệu ứng ép sẵn, mờ hoặc bóng.
- => Nhựa PVC 4 lớp phủ nhũ bạc, về cơ bản thì cũng giống như nhựa PVC 4 lớp thường nhưng khác thay vì màu trắng thì là màu nhũ bạc, do vậy khi in mực màu sáng sẽ thấy ánh kim.
- => Loại nhựa này sau khi in phải dùng kỹ thuật ép cao tần với nhiệt độ để ghép 4 lớp này thành 1 nên độ chuẩn màu và độ sắc nét so với file thiết kế là không cao. Do vậy khi thiết kế không nên để chữ quá nhỏ và màu sắc sản phẩm có thể thay đổi nhiều hơn bình thường một chút so với file thiết kế.
- => Trường hợp Quý Khách dùng nhựa PVC 4 lớp có phủ nhũ bạc thì màu nền của thiết kế không nên quá đậm, hoặc nếu đậm thì cũng nên có khu vực hở trắng để làm nổi bật được hiệu quả của nhũ bạc (lớp mực màu tối phủ lên nhũ bạc vẫn được nhưng sẽ không thấy ánh nhũ).
- => Loại này không hư khi tiếp xúc với nước, thích hợp làm menu, thẻ NV, thẻ Vip, thẻ xe, danh thiếp ...

Ghi chú kỹ thuật và ứng dụng của nhựa trong mờ 0.3mm, 0.5 và 0.9mm:

- => Nhựa mờ 0.5, nhựa mờ 0.9mm không thể in màu KTS, chỉ có thể ép kim.
- => Nhựa mờ 0.3, có thể in KTS hoặc ép kim. In KTS mực đặc biệt màu trắng hoặc màu mực nhũ vàng.
- => Cả 3 loại nhựa trong mờ khi ép kim hay in thì cũng chỉ in 1 mặt vì nó gần như trong suốt.
- => Ba loại nhựa này không hư khi tiếp xúc với nước, thích hợp làm danh thiếp cao cấp, Tag, thiệp cưới...vì nhìn lạ và sang trọng.
- => Nếu muốn bền hoặc có thể nhúng vào nước được thì nên ép kim. Trường hợp in màu KTS thì nếu bị cọ sát vật cứng thì có thể cũng bị trầy lớp mực in.

Ghi chú kỹ thuật và ứng dụng của nhựa trắng 0.3mm, nhựa ánh kim vàng 280q, nhựa ánh kim ngọc trai 280q:

- => Các loại nhựa này nhìn gần giống giấy và có thể in bằng máy in màu KTS nhưng giá in cao hơn giấy vì phải có chế độ in đặc biệt
- => Sau khi in màu KTS nếu không cán màng thì khi cọ sát vật cứng có thể bị trầy mực. Nếu để tránh trầy thì sau khi in khách hàng nên chọn thêm cán màng để bảo vệ lớp mực in và cũng đẹp hơn.
- => Trường hợp không cần in mà ép kim thì có thể không cán màng cũng không bị tróc lớp nhũ.
- => Nhựa không hư khi tiếp xúc với nước, thích hợp làm danh thiếp, thẻ nhân viên, tấm treo, các sản phẩm ngoài trời... (Nếu muốn có thể nhúng vào nước được thì nên chọn phương án ép kim)

Các quy định về giao hàng và phụ phí giao hàng (nếu có) được áp dụng như thiệp cưới.